

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2019/LĐ-PT**

Ngày 19 - 11 - 2019

V/v: “*Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Trần Vĩnh Yên

Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý 11/2019/TLPT-LĐ ngày 25/01/2019 về việc: “*Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 36/2018/LĐ-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ninh Thị Bích H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 105C, khu 3, ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Tấn T**, sinh năm 1976 (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2018).

Địa chỉ: ấp 2/97, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số 14, Hoàng Minh Châu, phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty cổ phần H.

Địa chỉ: Đường Điều Xiển, khu phố 8, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn K**, chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1968 (Theo giấy ủy quyền số 34/UQ-CPHV ngày 28/3/2018).

Địa chỉ: Số 7/2, tổ 24, khu phố 4, phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai.**

Địa chỉ: Số 219, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Minh T1** – Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Phương H**, sinh năm 1976 – Chức vụ: Phó Chánh văn phòng Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai. (Theo giấy ủy quyền số 16/GUQ-BHXH ngày 14/3/2019).

- Người kháng cáo: Bà **Ninh Thị Bích H** – nguyên đơn.

(Ông T có mặt, bà H và bà A có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn bà Ninh Thị Bích H do ông Lê Tấn T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Ninh Thị Bích H được Công ty cổ phần H nhận vào làm việc từ tháng 01 năm 1991 không có ký hợp đồng lao động. Đến tháng 02 năm 2000, Công ty cổ phần H ký 02 lần hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng. Tháng 02 năm 2004 Công ty cổ phần H ký hợp đồng không xác định thời hạn; tháng 6 năm 2016 Công ty cổ phần H ký hợp đồng không xác định thời hạn. Công việc làm là công nhân phân loại chế biến thuốc lá, mức lương là: 6.120.000 đồng.

Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016, Công ty cổ phần H bố trí cho bà Ninh Thị Bích H ngừng việc tổng cộng 26 ngày. Từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 9 năm 2017 ngừng việc 84 ngày, tổng cộng 110 ngày. Công ty cổ phần H trả tiền lương ngừng việc cho bà Ninh Thị Bích H theo mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm, cụ thể năm 2016: 3.500.000 đồng/tháng; năm 2017: 3.750.000 đồng/tháng, khi trả tiền lương ngừng việc Công ty cổ phần H không thỏa thuận với bà Ninh Thị Bích H.

Qua kiểm tra, đối chiếu việc Công ty cổ phần H đóng bảo hiểm xã hội cho bà Ninh Thị Bích H trong suốt thời gian làm việc thì bà Ninh Thị Bích H không thấy Công ty cổ phần H đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 01 năm 1991 đến hết tháng 01 năm 2000, tổng cộng: 108 tháng.

Bà Ninh Thị Bích H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần H trả tiền lương ngừng việc 20 ngày năm 2016 là 2.015.000 đồng, năm 2017 là 7.656.000 đồng; Truy đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01 năm 1991 đến hết tháng 01 năm 2000 là 108 tháng. Trường hợp không đóng thì trả cho bà Ninh Thị Bích H số tiền: $6.120.000 \text{ đồng} \times 22\% \times 108 \text{ tháng} = 145.541.000 \text{ đồng}$.

Ngày 10/10/2018, bà Ninh Thị Bích H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty cổ phần H lập thủ tục, hồ sơ đầy đủ để bà Ninh Thị Bích H được cơ quan bảo hiểm xã hội công nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01 năm 1991 đến hết tháng 12 năm 1994. Đối với khoảng thời gian làm việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến hết tháng 01 năm 2000 là 60 tháng, bà Ninh Thị Bích H đề nghị Công ty cổ phần H truy đóng bảo hiểm xã hội với mức phí: $60 \text{ tháng} \times 6.120.000 \text{ đồng} \times 22\% = 80.784.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa ngày 14/11/2018, ông Lê Tấn T đại diện theo ủy quyền của bà Ninh Thị Bích H có đơn đề nghị yêu cầu Công ty cổ phần H: Truy đóng bổ sung bảo hiểm xã hội theo mức lương của Nhà nước từ tháng 01 năm 1991 đến tháng 01 năm 2000 là 108 tháng: $108 \times 1,35 \times 130.000 \text{ đồng} \times 20\% = 3.790.000 \text{ đồng}$. Đối với yêu cầu trả tiền lương ngừng việc, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

- Bị đơn Công ty cổ phần H do bà Nguyễn Thị A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Ninh Thị Bích H là công nhân tại Xí nghiệp Tách cọng theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Thời gian ký kết hợp đồng lao động làm việc tại Công ty cổ phần H từ tháng 02 năm 2000.

Từ năm 1991 đến tháng 01 năm 2000 bà H có làm công việc theo thời vụ tại Công ty với công việc phân loại nguyên liệu thuốc lá tại phân xưởng chế biến không có kí kết hợp đồng lao động hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng có việc thì thông báo vào làm, không có việc thì thông báo nghỉ nhưng có báo cho người lao động biết trước 03 ngày. Công việc chính trong thời gian này là phân loại nguyên liệu thuốc lá tại phân xưởng chế biến.

Tiền lương trả theo ngày hoặc lương khoán theo nhóm đ có tính thêm 30% bao gồm bảo hiểm xã hội, nghỉ phép, thưởng,... để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm, người lao động nhận lương thông qua tổ trưởng hoặc theo nhóm không có kí nhận. Do trong thời gian làm công việc theo mùa vụ nên Công ty cổ phần H không có đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bà Ninh Thị Bích H cũng không có ý kiến thắc mắc khiếu nại gì.

Đến tháng 02 năm 2000, Công ty cổ phần H kí kết hợp đồng lao động xác định thời hạn với bà Ninh Thị Bích H và từ đó đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ.

Đối với yêu cầu khởi kiện trả lương ngừng việc:

Công ty cổ phần H là đơn vị thành viên của Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam là tiền thân của Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa năm 2005 nhưng vốn nhà nước vẫn chiếm phần lớn.

Đặc thù hoạt động của Công ty chủ yếu là trồng, thu hoạch, sơ chế thuốc lá, vụ mùa bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 03 năm sau mới có thu hoạch, sản xuất kinh doanh của Công ty mang tính thời vụ. Vì vậy, trong năm có nhiều đợt không có nguyên liệu sản xuất nên phải cho công nhân nghỉ hưởng lương ngừng việc.

Do tác động của thị trường, ảnh hưởng tình hình thời tiết thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp, Luật phòng chống tác hại thuốc lá cũng ảnh hưởng đến tâm lý của người tiêu dùng, do đó quy mô đầu tư vùng nguyên liệu thuốc lá của Công ty ngày càng thu hẹp, doanh số hàng năm giảm nhiều. Trong thời gian ngừng việc Công ty cổ phần H vẫn thực hiện trả lương để giảm bớt khó khăn cho người lao động.

Theo Thỏa ước lao động tập thể công ty ban hành ngày 26/4/2016, Nghị định số: 49/2013/NĐ –CP ngày 14/5/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Bộ luật lao động về tiền lương, công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty đã trả lương ngừng việc của bà H năm 2016: 3.500.000 đồng/tháng; năm 2017: 3.750.000 đồng/tháng theo Quy chế tiền lương của công ty và có đăng kí với cơ quan có thẩm quyền là đúng quy định. Do đó, bà Ninh Thị Bích H khởi kiện yêu cầu Công ty trả lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017 với số tiền 9.671.000 đồng là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội:

Thời gian bà Ninh Thị Bích H ký kết hợp đồng lao động làm việc tại Công ty từ tháng 02 năm 2000 và công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, thời gian từ tháng 01 năm 1991 đến tháng 01 năm 2000 bà làm công việc theo thời vụ, không có kí hợp đồng lao động nên không thuộc trường hợp đóng bảo hiểm xã hội. Căn cứ các văn bản pháp luật về lao động như Pháp lệnh Hợp đồng lao động, ngày 30/8/1990 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số: 165/HĐBT ngày 12/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng lao động, Bộ luật lao động năm 1994 và các văn bản hướng dẫn thi

hành thì đối với những trường hợp lao động thời vụ từ năm 2004 trở về trước công ty chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng là đúng.

Theo Thông tư 06/TT-BLĐTBXH ngày 04/4/1995 của Bộ lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành một số điều Điều lệ BHXH ban hành kèm theo nghị định số: 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ tại điểm A quy định “Các đối tượng quy định tại Điều 3 của Điều lệ Bảo hiểm xã hội nếu làm hợp đồng theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định mà thời hạn dưới 03 tháng thì không thuộc diện bắt buộc áp dụng Điều lệ Bảo hiểm xã hội”. Do đó, Công ty cổ phần H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị Bích H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai do bà Đinh Thị Phương Hoa đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Ninh Thị Bích H có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02 năm 2000 đến tháng 4 năm 2018 là 18 năm 03 tháng và tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 4 năm 2018 là 09 năm 04 tháng tại Công ty cổ phần H (tên cũ công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam).

Về yêu cầu của bà Ninh Thị Bích H đối với Công ty cổ phần H phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà Ninh Thị Bích H từ tháng 01 năm 1991 đến tháng 01 năm 2000 là 09 năm 01 tháng, đề nghị Công ty và bà H phối hợp cung cấp hồ sơ liên quan đến quá trình làm việc của bà H tại Công ty cổ phần H, lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số: 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam, gửi bảo hiểm xã hội tỉnh thẩm định hồ sơ cộng nối thời gian công tác từ tháng 01 năm 1991 đến tháng 12 năm 1994 và truy thu bảo hiểm xã hội từ tháng 01 năm 1995 đến tháng 01 năm 2000 đối với trường hợp của bà Ninh Thị Bích H theo quy định.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 36/2018/LĐ-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị Bích H về “Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội ” với Công ty cổ phần H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 14/11/2018, nguyên đơn là bà Ninh Thị Bích H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 36/2018/LĐ-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và

yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ninh Thị Bích H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị Bích H về tranh chấp tiền lương ngừng việc.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà Ninh Thị Bích H 9.671.000đ tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị Bích H về việc yêu cầu Công ty cổ phần H lập thủ tục hồ sơ, truy đóng bảo hiểm xã hội cho bà H từ tháng 01/1991 đến tháng 01/2000 với mức phí là 108 tháng x 1,35 x 130.000 đồng x 20% = 3.790.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Ninh Thị Bích H làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Anh là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Đinh Thị Phương Hoa là đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội Đồng Nai có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà H:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà H về bảo hiểm xã hội:

Bà H cho rằng bà được Công ty nhận vào làm việc liên tục từ tháng 01/1991 đến tháng 01/2000 nhưng theo Công ty thì bà H làm việc có tính mùa vụ. Theo quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam để lập hồ sơ truy đóng bảo hiểm xã hội thì

phải có Hợp đồng lao động, các giấy tờ có liên quan như: Quyết định nâng bậc lương, quyết định tiếp nhận hoặc điều động, hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, bảng lương....tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thừa nhận từ khi bà H vào làm việc từ tháng 01/1991 đến tháng 02/2000 giữa bà H và Công ty không ký hợp đồng lao động, hai bên cũng không cung cấp được bảng thanh toán tiền lương tương ứng với thời gian truy thu hoặc các giấy tờ liên quan đến việc khoán sản phẩm công việc. Việc bà H căn cứ vào danh sách những người lao động có thể hiện số năm, tháng tham gia làm việc tại Công ty của Công ty cổ phần H gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai và Bảo hiểm xã hội Việt Nam để xin ý kiến cơ quan bảo hiểm xã hội cho truy đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động vào năm 2007, 2008 là không có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã có văn bản số 4175/BHXH-BT ngày 07/11/2019 xác định trường hợp các bên không cung cấp được mức lương, chức danh nghề nghiệp hoặc những nội dung trong bản hợp đồng lao động.. theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục III Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội thì không có căn cứ để tính thời gian truy thu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc lập thủ tục, truy đóng bảo hiểm xã hội cho bà H thời gian từ tháng 01/1991 đến tháng 01/2000 là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của bà H về phần này.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà H về tiền lương ngừng việc:

Bà H và Công ty thống nhất về số ngày ngừng việc là 104 ngày, cụ thể năm 2016 là 20 ngày; năm 2017 là 84 ngày, bà H yêu cầu Công ty phải trả tiền lương ngừng việc còn thiếu của năm 2016, năm 2017 là 104 ngày số tiền là 9.671.000 đồng. Theo bà H lỗi ngừng việc là của Công ty nên Công ty phải trả đủ lương, còn theo Công ty cổ phần H xác định ngừng việc là do kinh tế. Do tác động của thị trường và từ khi Việt Nam phê chuẩn Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC) của Tổ chức y tế thế giới Công ty cổ phần H đã phải chấm dứt hoạt động nhiều chi nhánh, thu hẹp sản xuất nên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo tài liệu chứng cứ mà phúc thẩm thu thập bổ sung do Thanh tra Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cung cấp thì Bản kết luận của Thanh tra Bộ lao động Thương binh và Xã hội có kiến nghị Công ty cổ phần H thực hiện thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc. Do vậy dù có khó khăn về kinh tế Công ty cổ phần H vẫn phải tiến hành thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc nhưng Công ty không thỏa thuận với người lao động là trái với quy định tại khoản 3 Điều 98 của Bộ luật Lao động năm 2012. Như vậy, đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên cần sửa án sơ thẩm về tiền lương ngừng việc, buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà H tiền lương

ngừng việc còn thiếu trong năm 2016 là 20 ngày, năm 2017 là 84 ngày tổng số tiền là 9.671.000 đồng.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả lương ngừng việc nên Công ty cổ phần H phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm; Bà H được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ninh Thị Bích H. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 36/2018/LĐ-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Căn cứ các Điều 27, Điều 28, Điều 140, Điều 141 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 98, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị Bích H về tranh chấp tiền lương ngừng việc.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà Ninh Thị Bích H 9.671.000 (Chín triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn) đồng tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị Bích H về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội” với Công ty cổ phần H.

3. Về án phí: Công ty cổ phần H phải chịu 300.000 đồng. Bà Ninh Thị Bích H được miễn án phí lao động sơ và phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu

không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thu Hương